

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 11- 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị N, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp NN, xã TP, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Mã Thị N trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Chị Mã Thị N và anh Trần Văn T chung sống vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do anh T đánh chị N. Nay chị N xin ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Trần Trúc Q (nữ), sinh ngày 29/01/2006, Trần Trúc L (nữ), sinh ngày 08/02/2011 và Trần Trúc L1 (nữ), sinh ngày 05/01/2015. Khi ly hôn Trúc Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, chị N yêu cầu nuôi Trúc L và Trúc L1, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

*** Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:** Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mã Thị N có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt; anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Mã Thị N và anh Trần Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy, con chung của anh chị đang do chị N nuôi dưỡng ổn định, cháu Trúc L và Trúc L1 cũng có nguyện vọng sống với chị N nên tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng chị N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Mã Thị N và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Trúc L (nữ), sinh ngày 08/02/2011 và Trần Trúc L1 (nữ), sinh ngày 05/01/2015 cho chị Mã Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mã Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0002011 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

